BẢN SAO

HỢP ĐỒNG ĐẠI DIỆN NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU

Số: 01/2026/ĐDNSHTP
Ngày 10 tháng 03 năm 2026

Giữa

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

ACBS

Và

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KAFI

Kafi

ACBS Kafi

Hôm nay, ngày 10 tháng 03 năm 2026, tại Trụ sở Công ty Cổ phần Chứng khoán KAFI, chúng tôi gồm có:

BÊN A: CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

(sau đây gọi là "**Tổ Chức Phát Hành**" hoặc "**Bên A**")

GCNĐKDN/GP hoạt động số:	06/GPHĐKD được cấp bởi UBCKNN ngày 29/6/2000 và các lần sửa đổi, bổ sung
Địa chỉ:	Tầng 3, Tòa nhà Léman Luxury, 117 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại:	(028) 7300 7000
Fax:	(028) 7300 3751
Đại diện:	**Ông NGUYỄN ĐỨC HOÀN** *(Theo giấy ủy quyền số 02/GUQ-ACBS.26 ngày 12/02/2026 của Chủ tịch Hội đồng thành viên)*
Chức vụ:	**Tổng Giám đốc**

Và

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KAFI

(sau đây gọi là "**Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu**" hoặc "**Bên B**")

GCNĐKDN/GP hoạt động số:	51/UBCK-GPHĐKD được cấp bởi UBCKNN ngày 29/12/2006 và các lần sửa đổi, bổ sung
Địa chỉ:	Phòng 1403, Lầu 14, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại:	(028) 7102 9898
Tài khoản số:	679679679 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Tế Việt Nam - TTKD HO
Đại diện:	**Bà HOÀNG HẢI YẾN** *(1041.26 ngày 13/01/2026 của Tổng giám đốc kiêm người đại diện theo pháp luật Công ty Cổ phần Chứng khoán KAFI)*
Chức vụ:	**Giám đốc Dịch vụ Tài chính doanh nghiệp**

Bên A và Bên B được gọi riêng là "**Bên**" và được gọi chung là "**Các Bên**" hoặc "**Hai Bên**".

Các Bên cùng nhau ký kết Hợp đồng đại diện người sở hữu trái phiếu (sau đây gọi tắt là "**Hợp Đồng**") với các nội dung như sau:

ĐIỀU 1: ĐỊNH NGHĨA, NGUYÊN TẮC GIẢI THÍCH HỢP ĐỒNG

1.1. Định nghĩa:

Trong Hợp Đồng này và văn bản, thỏa thuận liên quan đến Hợp Đồng này, trừ khi ngữ cảnh có quy định khác đi, các định nghĩa và giải thích sau được hiểu thống nhất và toàn vẹn trong Hợp Đồng như sau:

- "**Hợp Đồng**": Hợp Đồng này và các phụ lục, thỏa thuận, cam kết khác có dẫn chiếu đến Hợp Đồng hoặc ngược lại.
- "**Bản Cáo Bạch**": bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng do Tổ Chức Phát Hành công bố nhằm chào bán trái phiếu.
- "**Các Điều Khoản và Điều Kiện Trái Phiếu**": các điều khoản và điều kiện trái phiếu phát hành ra công chúng do Tổ Chức Phát Hành công bố trên cơ sở phương án phát hành và tài liệu liên quan, phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.
- "**Trái Phiếu**": trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Tổ Chức Phát Hành với người sở hữu (i) được Hội đồng thành viên Tổ Chức Phát Hành thông qua theo Nghị quyết số ..18../NQ-HĐTV-ACBS.26 ngày ..10.. tháng 03... năm 2026 về việc phê duyệt phương án phát hành trái phiếu ra công chúng năm 2026 và (ii) được Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Tổ Chức Phát Hành phát hành ra công chúng theo Bản Cáo Bạch và Các Điều Khoản và Điều Kiện Trái Phiếu.
- "**Ngày Phát Hành**": là ngày phát hành Trái Phiếu được quy định tại Bản Cáo Bạch của mỗi đợt phát hành.
- "**Người Sở Hữu Trái Phiếu**": nhà đầu tư sở hữu một hoặc nhiều Trái Phiếu của Tổ Chức Phát Hành.
- "**Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu**": có nghĩa như được quy định tại Điều 2 Hợp Đồng này.
- "**Bất Khả Kháng**": các sự kiện xảy ra mang tính khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép. Các khó khăn về tài chính đơn thuần mà không đáp ứng các tiêu chí nêu trên không được xem là Bất Khả Kháng. Bất Khả Kháng bao gồm nhưng không giới hạn bởi:
  a) Hỏa hoạn, thiên tai, dịch bệnh, đại dịch, lũ lụt, động đất, bão, bão nhiệt đới hoặc các thảm họa tự nhiên khác;
  b) Chiến tranh, bạo loạn, hoạt động quân sự nước ngoài, hoạt động chiến sự (dù được tuyên bố hay không tuyên bố);
  c) Khủng bố, chiến tranh dân sự, cách mạng, khởi nghĩa, bạo động quân sự, nổi loạn;
  d) Quốc hữu hóa, quyết định của Chính phủ, bao vây, cấm vận, đình công.
- "**Bên Thứ Ba**": bất kỳ tổ chức/cá nhân nào khác (bao gồm các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền) không phải là Các Bên trong Hợp Đồng.
- "**Thông Tin Mật**": bất kỳ thông tin, tài liệu hay giấy tờ nào liên quan đến hoạt động kinh doanh, các nhãn hiệu, bí quyết công nghệ, giá trị kinh doanh của Bên Tiết Lộ Thông Tin, các dữ liệu tài chính, thông tin khác được một Bên ("**Bên Tiết Lộ Thông Tin**") tiết lộ cho Bên còn lại ("**Bên Tiếp Nhận Thông Tin**") bất kể nhận được hoặc có được bằng miệng, văn bản, bằng việc kiểm tra hay thông qua máy tính, phương tiện từ tính hoặc điện tử

khác, phương tiện cơ khí hoặc hình ảnh. Bên Tiếp Nhận Thông Tin thừa nhận rằng Thông Tin Mật được tiết lộ bởi Bên Tiết Lộ Thông Tin thuộc sở hữu của Bên Tiết Lộ Thông Tin, và sẽ luôn là tài sản riêng của Bên Tiết lộ Thông Tin. Thông Tin Mật không bao gồm các thông tin sau:

a) Hiện đang hoặc, sau khi tiết lộ, là thông tin đại chúng, ngoại trừ đó là kết quả của việc tiết lộ trái phép những thông tin đó của Bên Tiếp Nhận Thông Tin.

b) Được Bên Thứ Ba cung cấp cho Bên Tiếp Nhận Thông Tin mà Bên Thứ Ba đó không bị ràng buộc bởi nghĩa vụ bảo mật.

c) Các Thông Tin Mật hoặc bí quyết do Bên Tiếp Nhận Thông Tin có được một cách độc lập

d) Thông tin được Bên Tiết Lộ Thông Tin đồng ý bằng văn bản cho phép Bên Tiếp Nhận Thông Tin lưu hành hay sử dụng rộng rãi.

- **"Hối Lộ":** hành vi đưa tiền, quà biếu, vật phẩm có giá trị hay hình thức phi vật chất dưới bất kỳ hình thức nào như là một cách để đút lót, thưởng hay cảm ơn liên quan đến hoặc phát sinh từ Hợp Đồng.
- **"Ngày Làm Việc"**: các ngày từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần, trừ các ngày nghỉ, lễ, tết, nghỉ bù theo quy định pháp luật Việt Nam (tính theo thời gian dương lịch).
- **"Giờ Làm Việc"**: thời gian làm việc từ 08 giờ 00 phút đến 11 giờ 30 phút và 13 giờ đến 17 giờ 00 phút các Ngày Làm Việc (tính theo múi giờ Việt Nam).
- **"Biên Bản Nghiệm Thu":** biên bản được ký kết bởi Các Bên để nghiệm thu, xác định công việc Bên B đã hoàn tất theo từng giai đoạn và khoản phí tương ứng mà Bên B thực hiện thu theo quy định tại Hợp Đồng (**"Phí Hợp Đồng"**).
- **"Biên Bản Thanh Lý":** biên bản được ký kết bởi Các Bên để ghi nhận việc chấm dứt thỏa thuận của Hai Bên tại Hợp Đồng này, khoản Phí Hợp Đồng mà Bên B thực hiện thu và thống nhất thanh lý Hợp Đồng.
- Các từ hoặc thuật ngữ không được định nghĩa tại mục này và đã được định nghĩa trong các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh, sẽ có nghĩa tương tự trong Hợp Đồng.

1.2. Giải thích:

Trong Hợp Đồng và văn bản, thỏa thuận liên quan đến Hợp Đồng, trừ khi ngữ cảnh có quy định khác đi, những quy tắc sau đây sẽ được áp dụng để giải thích:

- Thời gian trong Hợp Đồng và văn bản, thỏa thuận liên quan đến Hợp Đồng là thời gian dương lịch và tính theo múi giờ Việt Nam, trừ khi có quy định khác trong điều khoản liên quan.
- Ngày được dùng trong Hợp Đồng và văn bản, thỏa thuận liên quan đến Hợp Đồng có nghĩa là một ngày dương lịch trừ khi được xác định là một Ngày Làm Việc trong điều khoản liên quan.

- Bất kỳ điều gì phải thực hiện theo Hợp Đồng và văn bản, thỏa thuận liên quan đến Hợp Đồng rơi vào ngày không phải là Ngày Làm Việc sẽ được thực hiện và sẽ có hiệu lực khi thực hiện vào Ngày Làm Việc kế tiếp.
- Tham chiếu đến các điều khoản và các phụ lục là tham chiếu đến các điều khoản và các Phụ lục của Hợp Đồng. Tất cả các Phụ lục là một bộ phận không thể tách rời của Hợp Đồng.
- Tiêu đề/tên gọi của các điều chỉ có giá trị tham khảo và sẽ không ảnh hưởng đến việc giải thích, xác định bản chất tất cả các nội dung điều khoản Hợp Đồng dưới bất kỳ hình thức nào.
- Vi phạm được xem là đang tiếp diễn nếu vi phạm đó chưa được khắc phục hoặc chưa được miễn khắc phục.

Các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu đến trong Hợp Đồng này hoặc văn bản, thỏa thuận liên quan đến Hợp Đồng này được hiểu là văn bản quy phạm pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đang có hiệu lực thi hành vào thời điểm giao kết Hợp Đồng này.

ĐIỀU 2: CHỈ ĐỊNH ĐẠI DIỆN NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU

2.1. Phạm vi công việc

a. Bằng Hợp Đồng này, Bên A chỉ định và Bên B đồng ý làm tổ chức đại diện cho quyền lợi của Người Sở Hữu Trái Phiếu đối với toàn bộ Trái Phiếu phát hành theo Nghị quyết số .18../NQ-HĐTV-ACBS.26 ngày 10. tháng 03 năm 2026, cụ thể như sau:

Nhóm trái phiếu	Đợt phát hành			Số lượng từng đợt (trái phiếu)	Tổng cộng	Kỳ hạn (năm)
	Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3			
Nhóm 1 năm	ACBS-1.1	ACBS-1.2	ACBS-1.3	3.000.000	9.000.000	1
Nhóm 2 năm	ACBS-2.1	ACBS-2.2	ACBS-2.3	3.000.000	9.000.000	2
Nhóm 3 năm	ACBS-3.1	ACBS-3.2	ACBS-3.3	4.000.000	12.000.000	3
Tổng cộng				**10.000.000**	**30.000.000**	

Nội dung công việc như sau:

- Phối hợp với Tổ Chức Phát Hành để thực hiện các quyền lợi cho Người Sở Hữu Trái Phiếu;
- Làm trung gian liên lạc giữa Người Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành và các tổ chức có liên quan khác (nếu có);
- Thông báo cho Tổ Chức Phát Hành và các tổ chức có liên quan (nếu có) thực hiện các quyết định của Người Sở Hữu Trái Phiếu mà Bên B được nhân danh làm đại diện.

Để làm rõ, Bên B:

- Không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào trước Tổ Chức Phát Hành/Người Sở Hữu Trái

Phiếu về bất kỳ công việc hay nhiệm vụ nào mà Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu đã thực hiện nếu Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện công việc hay nhiệm vụ đó theo đúng quyết định của Người Sở Hữu Trái Phiếu;

- Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu không phải thực hiện bất kỳ công việc hay nhiệm vụ nào mà trái với hoặc, theo đánh giá hợp lý của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu là có thể trái với, bất kỳ văn bản quy phạm pháp luật có liên quan nào hoặc quyết định, văn bản của cơ quan Nhà nước, tổ chức quản lý có thẩm quyền hay quy chế của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán.

- Giám sát việc tuân thủ các cam kết của Tổ Chức Phát Hành trong hồ sơ đăng ký chào bán Trái Phiếu để đảm bảo các quyền lợi của Người Sở Hữu Trái Phiếu. Để làm rõ, việc giám sát của Bên A được thực hiện trên cơ sở hồ sơ nhận được từ Tổ Chức Phát Hành, và những thông tin trong các hồ sơ nêu trên sẽ mặc nhiên được coi là chính xác mà Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không có nghĩa vụ kiểm tra, xác minh về tính xác thực của những hồ sơ đó. Tổ Chức Phát Hành cam kết bảo đảm về tính đầy đủ, chính xác, trung thực đối với các thông tin do mình cung cấp cho Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu và cam kết chịu trách nhiệm trong trường hợp có bất kì sai sót nào xảy ra đối với những hồ sơ do mình cung cấp, dù là vô ý hay cố ý;

- Báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong trường hợp phát hiện Tổ Chức Phát Hành có hành vi vi phạm ảnh hưởng đến quyền lợi của Người Sở Hữu Trái Phiếu.

- Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định pháp luật (nếu có).

b. Để tránh nhầm lẫn, Các Bên đồng ý và khẳng định rằng:

- Ngoài các công việc đã được quy định tại Điều 2.1.a, nghĩa vụ của Bên B không bao gồm: tư vấn về thuế, pháp luật, chính sách, kế toán, niêm yết hoặc cung cấp các ý kiến/dịch vụ chuyên môn hay kỹ thuật khác; tư vấn chiến lược hoặc các vấn đề tài chính nói chung; và các nội dung, phạm vi công việc khác không được quy định rõ tại Hợp Đồng này.

- Hợp Đồng này không được coi là sự liên kết, liên đới và/hoặc liên doanh giữa Bên A và Bên B dưới bất kỳ hình thức nào (dù là trực tiếp hay gián tiếp) về các trách nhiệm và nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành đối với Người Sở Hữu Trái Phiếu.

2.2. Bên A cam đoan và bảo đảm rằng trong thời gian hiệu lực Hợp Đồng, sẽ chỉ có duy nhất một Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu là Bên B. Việc chỉ định Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ có hiệu lực cho đến khi không còn bất kỳ Trái Phiếu nào lưu hành hoặc xảy ra sự kiện chấm dứt tư cách Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Điều 2.3 hoặc Hợp Đồng chấm dứt, tùy thuộc vào sự kiện nào đến trước.

2.3. Chấm dứt tư cách Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu:

a. Thay thế Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu

- Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu được thay đổi khi được số Người Sở Hữu Trái Phiếu đại diện từ 65% tổng số Trái Phiếu cùng loại đang lưu hành trở lên chấp thuận;

- Thời điểm chấm dứt tư cách Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu của Bên B được xác định theo văn bản có hiệu lực của Người Sở Hữu Trái Phiếu.

b. Từ nhiệm tư cách Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu

- Bên B có thể từ nhiệm và ngừng thực hiện toàn bộ trách nhiệm và nghĩa vụ của mình với tư cách là Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu sau khi thông báo bằng văn bản cho Tổ Chức Phát Hành và những Người Sở Hữu Trái Phiếu ít nhất 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc trước ngày dự kiến từ nhiệm;

- Trong vòng 20 (hai mươi) Ngày Làm Việc từ ngày nhận được thông báo từ nhiệm của Bên B, Tổ Chức Phát Hành lựa chọn và xin chấp thuận của Người Sở Hữu Trái Phiếu về việc chỉ định một tổ chức làm Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu thay thế. Để làm rõ, việc Người Sở Hữu Trái Phiếu không chỉ định Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu thay thế không ngăn cản/ảnh hưởng đến thời điểm hiệu lực từ nhiệm của Bên B.

c. Chấm dứt bắt buộc tư cách Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu

- Bên B chấm dứt bắt buộc tư cách Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu trong trường hợp: (i) có kết luận hoặc quyết định đã có hiệu lực của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền/văn bản pháp luật có hiệu lực về việc Bên B không được thực hiện/không được tiếp tục thực hiện vai trò Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu; hoặc (ii) Bên B chấm dứt hoạt động hoặc ngừng một phần hoạt động kinh doanh liên quan đến công việc Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu.

- Tổ Chức Phát Hành phải lựa chọn và xin chấp thuận của Người Sở Hữu Trái Phiếu về việc chỉ định Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu thay thế trong thời hạn 05 (năm) Ngày Làm Việc kể từ thời điểm nhận được thông báo của Bên B về việc xảy ra các sự kiện nêu trên.

ĐIỀU 3: CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TRÁI PHIẾU

Nội dung được trình bày cụ thể tại Mục I, Phụ lục – Các điều khoản và điều kiện của trái phiếu.

ĐIỀU 4: TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỘI NGHỊ VÀ LẤY Ý KIẾN NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU

Nội dung được trình bày cụ thể tại Mục II, Phụ lục – Các điều khoản và điều kiện của trái phiếu.

ĐIỀU 5: PHÍ HỢP ĐỒNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

Phí Hợp Đồng và phương thức thanh toán cụ thể do Các Bên thỏa thuận bằng văn bản.

ĐIỀU 6: NGHIỆM THU HỢP ĐỒNG

6.1. Điều kiện, căn cứ nghiệm thu:

Các Bên tiến hành nghiệm thu khi có đủ các điều kiện nghiệm thu như sau:

a. Công việc theo Điều 2.1 của Hợp Đồng này đã hoàn tất theo từng giai đoạn/hoàn tất toàn bộ theo Hợp Đồng (tùy từng trường hợp) hoặc Hợp Đồng chấm dứt trước hạn theo các trường hợp khác, tùy theo thời điểm nào đến trước;

b. Các Bên có thể tiến hành nghiệm thu theo từng đợt phát hành, hoặc sau khi kết thúc toàn bộ việc phát hành theo Điều 2.1 của Hợp Đồng này.

6.2. Hồ sơ nghiệm thu: Đề nghị thanh toán, Biên Bản Nghiệm Thu/hoặc Biên Bản Thanh Lý (tùy trường hợp áp dụng), hóa đơn tài chính hợp lệ.

6.3. Thành phần nhân sự nghiệm thu: đại diện hợp pháp của Các Bên.

6.4. Kết quả nghiệm thu được thể hiện bằng Biên Bản Nghiệm Thu/Biên Bản Thanh Lý (tùy từng trường hợp). Đối với các nội dung không đạt điều kiện, căn cứ nghiệm thu, Các Bên ghi nhận vào Biên Bản Nghiệm Thu và thống nhất thời gian khắc phục.

ĐIỀU 7: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

7.1. Quyền của Bên A:

a. Yêu cầu Bên B thực hiện các nội dung quy định tại Điều 2 của Hợp Đồng.

b. Yêu cầu Bên B cung cấp các tài liệu hướng dẫn, giải đáp thắc mắc liên quan đến phạm vi công việc mà Bên B cung cấp;

c. Có quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng với điều kiện Bên A thông báo trước cho Bên B ít nhất 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc và phải thanh toán cho Bên B tương ứng với nội dung công việc mà Bên B đã thực hiện tính đến thời điểm chấm dứt Hợp Đồng.

d. Các quyền khác được nêu trong Hợp Đồng và theo quy định pháp luật.

7.2. Nghĩa vụ của Bên A:

a. Cam kết có đầy đủ điều kiện phát hành Trái Phiếu theo quy định của pháp luật.

b. Cung cấp thông tin, tài liệu, dữ liệu đầy đủ, chính xác, đúng thời hạn theo thống nhất giữa Các Bên và chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác, đầy đủ của các thông tin, tài liệu, dữ liệu, các kế hoạch, chỉ dẫn cung cấp cho Bên B. Bên B được miễn trừ mọi trách nhiệm trong trường hợp thông tin, tài liệu, dữ liệu do Bên A cung cấp có bất kỳ sai lệch nào và hệ quả từ các công việc xuất phát từ các thông tin sai lệch nêu trên.

c. Tuân thủ nội dung của thỏa thuận cam kết bảo mật thông tin giữa Bên A và Bên B. Chỉ sử dụng các thông tin Bên B cung cấp nhằm mục đích thực hiện Hợp Đồng này. Trường hợp Bên A và/hoặc nhân sự của Bên A tiết lộ các Thông Tin Mật không đúng quy định tại Hợp Đồng này hoặc/và thỏa thuận bảo mật thông tin nêu trên thì được xem là vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ và theo đó sẽ bị áp dụng chế tài tại điểm 12.1.2 và 12.2 Điều 12 Hợp Đồng này.

d. Thanh toán Phí Hợp Đồng đúng thời hạn cho Bên B theo quy định tại Điều 5 của Hợp Đồng này.

e. Các nghĩa vụ khác được nêu trong Hợp Đồng và theo quy định pháp luật.

ĐIỀU 8: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

8.1. Quyền của Bên B:

a. Yêu cầu Bên A cung cấp đầy đủ, đúng thời hạn các thông tin, tài liệu, dữ liệu cần thiết để đảm bảo cho quá trình thực hiện Hợp Đồng.

b. Sử dụng các thông tin, tài liệu, dữ liệu do Bên A cung cấp để phục vụ cho mục đích thực hiện công việc quy định tại Hợp Đồng này.

c. Trường hợp các thông tin, tài liệu, dữ liệu do Bên A cung cấp không đúng, không đủ theo nội dung, thời hạn được thống nhất giữa Các Bên và Bên B đã thực hiện đầy đủ các biện pháp thông báo, trao đổi nhưng Bên A vẫn không cung cấp đầy đủ, thì Bên B được quyền từ chối thực hiện công việc theo Hợp Đồng. Để làm rõ, trong trường hợp này, Bên B không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào với Bên A, bao gồm cả phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại.

d. Bên B không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hiệu lực của các thông tin, tài liệu, dữ liệu do Bên A cung cấp cho Bên B nhưng Bên B có quyền (nhưng không phải nghĩa vụ) thẩm tra, yêu cầu Bên A cung cấp thông tin, tài liệu, dữ liệu liên quan phù hợp với quy định pháp luật nhằm xác minh, làm rõ các thông tin, tài liệu, dữ liệu này và Bên A có nghĩa vụ thực hiện theo đúng yêu cầu của Bên B.

e. Yêu cầu Bên A thanh toán Phí Hợp Đồng theo Điều 5 của Hợp Đồng này.

f. Không phải thực hiện bất kỳ công việc hay nhiệm vụ nào mà trái với hoặc, theo đánh giá hợp lý của Bên B, là có thể trái với bất kỳ quy định nào của pháp luật, quy định của tổ chức quản lý (Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, Sở Giao dịch chứng khoán,...), quyết định, phán quyết của cơ quan Nhà nước.

g. Các quyền khác được nêu trong Hợp Đồng và theo quy định pháp luật.

8.2. Nghĩa vụ của Bên B:

a. Thực hiện đúng các nội dung công việc quy định tại Điều 2 của Hợp Đồng.

b. Khi thực hiện công việc được quy định tại Điều 2 của Hợp Đồng, Bên B sẽ chịu trách nhiệm: (i) thực hiện chính xác, đúng đắn theo các thông tin, tài liệu, dữ liệu mà Bên A đã cung cấp cho Bên B và tuân thủ quy định của pháp luật và đạo đức nghề nghiệp đối với kết quả công việc cung cấp cho Bên A và (ii) hành vi được thực hiện bởi các nhân sự mà Bên B phân công thực hiện phạm vi công việc cho Bên A theo quy định tại Điều 2 Hợp Đồng này. Trong trường hợp xác định do lỗi của Bên B mà gây thiệt hại cho Bên A thì Bên B phải chịu trách nhiệm giải quyết, đảm bảo Bên A không bị ảnh hưởng và/hoặc có liên quan; đồng thời, Bên B đồng ý bồi thường toàn bộ thiệt hại thực tế và trực tiếp phát sinh cho Bên A.

c. Tuân thủ nội dung của thỏa thuận cam kết bảo mật thông tin giữa Bên A và Bên B.

d. Trường hợp Bên B không thực hiện công việc đúng thời gian, tiến độ và yêu cầu công việc đã thống nhất mà do nguyên nhân chủ quan từ Bên B, thì Bên B phải (i) bồi thường toàn bộ thiệt hại thực tế và trực tiếp phát sinh cho Bên A, hoặc (ii) ngay lập tức đề xuất biện pháp khắc phục và thực hiện biện pháp khắc phục nhằm hoàn thành công việc với chi phí khắc phục đều do Bên B chịu trên cơ sở thỏa thuận bằng văn bản giữa Bên A và Bên B. Trong trường hợp quá 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc kể từ ngày Bên B không thực hiện đúng thời gian, đúng tiến độ dịch vụ đã thống nhất mà những biện pháp khắc

phục Bên B đề xuất và thực hiện không hoàn thành công việc, Bên A có quyền (nhưng không có nghĩa vụ) sử dụng dịch vụ của Bên Thứ Ba bất kỳ để đảm bảo tiến độ thực hiện công việc với chi phí phát sinh thực tế do Bên B thanh toán.

e. Để làm rõ, trong mọi trường hợp, mức phạt và bồi thường thiệt hại mà Bên B chi trả không vượt quá 150% mức Phí Hợp Đồng mà Bên B đã nhận được từ Bên A theo quy định tại Điều 5 của Hợp Đồng.

f. Thông báo ngay có Bên A trong trường hợp Bên B nhận thấy các tài liệu, các kế hoạch, chỉ dẫn, thông tin, dữ liệu Bên A cung cấp cho Bên B không đầy đủ để hoàn thành công việc; cùng với Bên A bàn bạc giải quyết các vướng mắc phát sinh (nếu có).

g. Cam kết không chuyển giao một phần quyền hoặc nghĩa vụ của mình cho bất cứ một Bên Thứ Ba nào nếu không có sự chấp thuận của Bên A.

h. Thông báo đầy đủ, kịp thời cho Bên A các sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến quá trình thực hiện Hợp Đồng.

i. Chỉ sử dụng các thông tin Bên A cung cấp để thực hiện phạm vi công việc theo Hợp Đồng này. Trường hợp Bên B và/hoặc nhân sự của Bên B tiết lộ các Thông Tin Mật không đúng quy định tại Hợp Đồng này hoặc Thỏa thuận bảo mật thông tin được xem là vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ và theo đó sẽ bị áp dụng chế tài tại điểm 12.1.2 và 12.2 Điều 12 Hợp Đồng này.

j. Các nghĩa vụ khác được nêu trong Hợp Đồng và theo quy định pháp luật.

ĐIỀU 9: BẤT KHẢ KHÁNG

9.1. Hai Bên cam kết thực hiện Hợp Đồng này trên tinh thần hợp tác và cố gắng tối đa để Hợp Đồng này đạt hiệu quả cao nhất. Tuy nhiên, Các Bên sẽ không chịu trách nhiệm về việc không thực hiện nghĩa vụ Hợp Đồng trong trường hợp Bất Khả Kháng.

9.2. Việc một Bên không hoàn thành nghĩa vụ theo Hợp Đồng là hậu quả trực tiếp của sự kiện Bất Khả Kháng sẽ không bị coi là vi phạm Hợp Đồng. Tuy nhiên, Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện Bất Khả Kháng có nghĩa vụ:

a. Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện Bất Khả Kháng gây ra;

b. Thông báo ngay khi có thể cho Bên còn lại biết và gửi thông báo bằng văn bản cho Bên còn lại trong vòng 03 (ba) ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện Bất Khả Kháng. Trường hợp, Bên chấm dứt Hợp Đồng vi phạm nghĩa vụ thông báo nêu trên thì phải bồi thường thiệt hại (nếu có phát sinh thiệt hại) cho Bên còn lại.

9.3. Trong trường hợp xảy ra sự kiện Bất Khả Kháng, thời gian thực hiện Hợp Đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện Bất Khả Kháng mà Bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện nghĩa vụ theo Hợp Đồng.

9.4. Trong trường hợp sự kiện Bất Khả Kháng kéo dài quá 10 (mười) ngày, bất kỳ Bên nào cũng có quyền chấm dứt Hợp Đồng và không phải bồi thường thiệt hại cho Bên còn lại,

với điều kiện phải thông báo bằng văn bản trước 10 (mười) ngày kể từ ngày chấm dứt Hợp Đồng. Trường hợp, Bên chấm dứt Hợp Đồng vi phạm nghĩa vụ báo trước bằng văn bản thì phải bồi thường thiệt hại (nếu có phát sinh thiệt hại) cho Bên còn lại.

ĐIỀU 10: THỜI HẠN HỢP ĐỒNG, THANH LÝ HỢP ĐỒNG

10.1. Hợp Đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và chấm dứt trong các trường hợp sau:

a. Không có bất kỳ Trái Phiếu nào được phát hành tại tất cả các Ngày Phát Hành;

b. Khi các Trái Phiếu được mua lại toàn bộ theo Các Điều Khoản và Điều Kiện Trái Phiếu hoặc mọi nghĩa vụ thanh toán của Tổ Chức Phát Hành theo Trái Phiếu đã được thực hiện đầy đủ;

c. Hợp Đồng bị đơn phương chấm dứt theo quy định tại Điều 11.2 của Hợp Đồng này;

d. Theo thoả thuận bằng văn bản của Các Bên;

e. Chấm dứt Hợp Đồng theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước, tổ chức quản lý (Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, Sở Giao dịch Chứng khoán,…) có thẩm quyền;

f. Hai Bên đã hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ quy định trong Hợp Đồng;

g. Do sự kiện Bất Khả Kháng làm cho Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện Bất Khả Kháng không thể tiếp tục thực hiện Hợp Đồng theo quy định tại Điều 9.4 Hợp Đồng này;

h. Các trường hợp chấm dứt khác theo quy định tại Hợp Đồng này và quy định của pháp luật.

10.2. Khi xảy ra sự kiện chấm dứt Hợp Đồng, Các Bên tiến hành thanh lý và chấm dứt hiệu lực của Hợp Đồng này.

- Các Bên sẽ tiến hành nghiệm thu đối với nội dung công việc đã thực hiện và tiến hành thanh toán/hoàn trả cho Bên còn lại tương ứng đối với phần công việc được nghiệm thu;
- Ngoài ra, trừ trường hợp được quy định khác đi theo quy định tại Hợp Đồng này, Các Bên phải thanh toán cho Bên còn lại các khoản công nợ còn tồn đọng tính đến ngày chấm dứt Hợp Đồng: phạt vi phạm, phạt chậm thanh toán, bồi thường thiệt hại,...

ĐIỀU 11: ĐƠN PHƯƠNG CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG TRƯỚC THỜI HẠN

11.1. Các Bên không được đơn phương chấm dứt Hợp Đồng trừ trường hợp Bất Khả Kháng theo quy định tại Điều 9 và/hoặc quy định tại Điều 11.2 này dưới đây.

11.2. Một Bên được quyền đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp Đồng trong trường hợp Bên còn lại vi phạm Hợp Đồng và không/không thể khắc phục được trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể ngày nhận được văn bản thông báo của Bên bị vi phạm về việc vi phạm. Hợp Đồng chấm dứt kể từ thời điểm kết thúc thời hạn 30 (ba mươi) ngày nêu trên hoặc một thời hạn khác dài hơn được Bên bị vi phạm ấn định tại văn bản thông báo.

ĐIỀU 12: PHẠT CHẬM THANH TOÁN, PHẠT VI PHẠM VÀ BỒI THƯỜNG THIỆT HẠI

12.1. Phạt chậm thanh toán, phạt vi phạm:

12.1.1. Trong trường hợp Bên A chậm thanh toán theo quy định của Hợp Đồng thì Bên A phải trả tiền lãi tính trên số tiền chậm thanh toán theo mức lãi suất 10% (mười phần trăm)/ năm, tương ứng số ngày chậm thanh toán.

12.1.2. Nếu một Bên vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào theo quy định của Hợp Đồng thì trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày xảy ra vi phạm (trừ trường hợp điều khoản Hợp Đồng cụ thể ấn định một thời hạn khác), Bên vi phạm phải khắc phục hành vi vi phạm. Nếu quá thời hạn khắc phục mà Bên vi phạm chưa hoàn thành việc khắc phục, thì Bên vi phạm phải chịu phạt vi phạm 08% (tám phần trăm) giá trị Hợp Đồng bị vi phạm.

Bên vi phạm có trách nhiệm thanh toán tiền phạt vi phạm cho Bên bị vi phạm trong vòng 10 (mười) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được thông báo phạt vi phạm của Bên bị vi phạm.

12.1.3. Các Bên được quyền cấn trừ khoản tiền phạt vi phạm vào nghĩa vụ phải thanh toán đối với Bên còn lại.

12.2. Bồi thường thiệt hại:

12.2.1. Ngoài các khoản tiền phạt vi phạm theo Hợp Đồng, Bên vi phạm còn phải bồi thường toàn bộ thiệt hại hoặc tổn thất thực tế và trực tiếp (bao gồm thiệt hại về kinh tế) do vi phạm Hợp Đồng cho Bên còn lại. Thiệt hại bao gồm nhưng không giới hạn bởi:

a. Sự hư hỏng hay mất mát của bất kỳ tài sản nào của Bên bị vi phạm phát sinh từ hành vi vi phạm của Bên vi phạm;

b. Chi phí khắc phục thiệt hại;

c. Chi phí phát sinh từ việc giải quyết tranh chấp, khiếu nại liên quan đến các thiệt hại trên.

12.2.2. Bên vi phạm Hợp Đồng phải bồi thường toàn bộ các khoản thiệt hại phát sinh nêu trên cho Bên bị vi phạm trong vòng 10 (mười) Ngày Làm Việc kể từ ngày Bên bị vi phạm cung cấp bằng chứng chứng minh thiệt hại.

12.2.3. Nghĩa vụ bồi thường đã phát sinh vẫn có hiệu lực cho dù Hợp Đồng bị chấm dứt. Các Bên được quyền cấn trừ khoản tiền bồi thường thiệt hại vào nghĩa vụ phải thanh toán đối với Bên còn lại.

12.2.4. Trừ trường hợp Hợp Đồng có quy định khác, Các Bên đồng ý rằng khoản bồi thường thiệt hại của một Bên đối với Bên còn lại trong bất kỳ trường hợp nào cũng không vượt quá 150% mức phí mà Bên B đã nhận được từ Bên A.

ĐIỀU 13: BẢO VỆ DỮ LIỆU CÁ NHÂN

Ngoài việc áp dụng các biện pháp bảo vệ Thông Tin Mật theo quy định tại Thỏa thuận bảo mật thông tin đã ký kết giữa Các Bên, trường hợp thông tin là dữ liệu cá nhân thì Các Bên cam kết và đảm bảo:

13.1. Đảm bảo những thông tin, dữ liệu cá nhân do Các Bên cung cấp cho nhau, bao gồm nhưng không giới hạn dữ liệu cá nhân Người Sở Hữu Trái Phiếu, người lao động của Các Bên và/hoặc Bên Thứ Ba khác (sau đây gọi chung là "**Dữ liệu cá nhân**") là phù hợp quy định pháp luật, Các Bên đã thực hiện các thủ tục, điều kiện cần thiết đảm bảo sự chấp thuận của chủ thể dữ liệu khi xử lý các Dữ liệu cá nhân này.

Trường hợp có tranh chấp phát sinh do lỗi của Bên nào thì Bên đó chịu trách nhiệm giải quyết với chủ thể dữ liệu và/hoặc Bên Thứ Ba.

13.2. Các Bên đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về lưu giữ, xử lý, bảo vệ Dữ liệu cá nhân và cung cấp cho Bên kia các bằng chứng chứng minh, trong phạm vi hợp lý về việc đáp ứng các điều kiện này.

13.3. Các Bên có trách nhiệm áp dụng các biện pháp bảo vệ, bảo mật Dữ liệu cá nhân trong quá trình xử lý Dữ liệu cá nhân, phương án cần thiết và/hoặc theo đề nghị của Bên kia phù hợp với quy định pháp luật, bao gồm cả việc bảo vệ trước các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ Dữ liệu cá nhân và phòng, chống sự mất mát, phá hủy hoặc thiệt hại do sự cố, sử dụng các biện pháp kỹ thuật để bảo vệ, ngăn chặn truy cập trái phép, chống thất thoát Dữ liệu cá nhân và các thông tin, dữ liệu khác trong quá trình Hai Bên thực hiện Hợp Đồng.

13.4. Trường hợp một Bên cung cấp Dữ liệu cá nhân cho Bên kia thì Bên kia chỉ được lưu trữ Dữ liệu cá nhân do Bên cung cấp trong khoảng thời gian phù hợp với mục đích xử lý, thực hiện công việc theo thỏa thuận của Các Bên, phù hợp với quy định pháp luật.

13.5. Mỗi Bên có nghĩa vụ xóa, trả lại toàn bộ Dữ liệu cá nhân cho Bên kia sau khi kết thúc xử lý dữ liệu và/hoặc chấm dứt Hợp Đồng, tùy theo thời điểm nào đến trước.

13.6. Trường hợp chủ thể dữ liệu (Khách hàng hoặc Bên Thứ Ba khác) thực hiện các quyền đối với Dữ liệu cá nhân theo quy định pháp luật (bao gồm nhưng không giới hạn quyền yêu cầu cung cấp dữ liệu, xóa dữ liệu, hạn chế xử lý dữ liệu, phản đối xử lý dữ liệu,...), Các Bên có nghĩa vụ:

a. Thực hiện theo yêu cầu của chủ thể dữ liệu trên cơ sở đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật; và

b. Cung cấp cho Bên kia bằng bằng chứng xác nhận đã hoàn tất công việc nêu trên;

c. Trường hợp Một Bên từ chối yêu cầu, Bên đó phải phản hồi bằng văn bản cho Bên còn lại trong vòng 72 giờ, trong đó nêu lý do và cung cấp cơ sở pháp lý đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật.

13.7. Trường hợp phát hiện về việc xảy ra vi phạm quy định về bảo vệ Dữ liệu cá nhân (vi phạm rõ ràng hoặc tiềm tàng khả năng vi phạm), một Bên có trách nhiệm:

a. Thông báo cho Bên còn lại ngay lập tức; và

b. Hỗ trợ, phối hợp với Bên còn lại thực hiện các nghĩa vụ theo quy định pháp luật và/hoặc các hoạt động cần thiết, hợp lý để giảm thiểu tối đa thiệt hại, vi phạm phát sinh.

ĐIỀU 14: CHỐNG HỐI LỘ VÀ XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

14.1. Các Bên nhận thức được rằng việc Hối Lộ là không được phép thực hiện dưới bất kỳ hình thức và/hoặc hoàn cảnh nào, việc dùng Hối Lộ hoặc dung túng các hành vi Hối Lộ sẽ làm ảnh hưởng tới uy tín của cả Hai Bên. Vì vậy, Các Bên cùng cam kết như sau:

14.1.1. Hoạt động kinh doanh công bằng, trung thực và minh bạch.

14.1.2. Không thực hiện hoặc đưa Hối Lộ, dù trực tiếp hay gián tiếp, để đạt được lợi thế kinh doanh.

14.1.3. Không nhận Hối Lộ, dù trực tiếp hay gián tiếp, để tạo ra lợi thế kinh doanh.

14.2. Các Bên cam kết và đồng ý:

14.2.1 Không Hối Lộ, hứa hẹn hoặc cam kết cho quà, tiền, hậu mãi hoặc lợi ích vật chất, lợi ích phi vật chất cho nhân viên của Bên kia để làm ảnh hưởng tới quyết định lựa chọn của Bên kia hoặc khiến nhân viên của Bên kia cung cấp các thông tin nội bộ, Thông Tin Mật có lợi cho Bên còn lại trong việc đưa ra báo giá cạnh tranh không lành mạnh.

14.2.2 Thông báo kịp thời cho Bên kia mọi biểu hiện có liên quan đến Hối Lộ hoặc đòi Hối Lộ của nhân viên Bên kia trong quá trình đàm phán, ký kết và thực hiện Hợp Đồng này.

14.3. Một Bên được quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng mà không bị phạt vi phạm, không phải bồi thường thiệt hại và được quyền xem xét chấm dứt tất cả các Hợp Đồng, giao dịch với Bên còn lại và Các Bên có liên quan ngay khi phát hiện Bên kia vi phạm điều khoản này. Đồng thời, Bên vi phạm phải chịu mọi tổn thất liên quan đến Hợp Đồng, bồi thường thiệt hại và chịu phạt vi phạm Hợp Đồng theo quy định của Hợp Đồng này nếu vi phạm các điều khoản về chống Hối Lộ.

14.4. Các Bên phải đảm bảo rằng không có bất kỳ nhân viên, Người có liên quan nào theo quy định tại Điều 4.46 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 (bao gồm nội dung thay thế, sửa đổi, bổ sung) của Bên mình có các lợi ích cá nhân/kinh doanh hoặc tham gia vào các hoạt động có khả năng tạo ra các xung đột lợi ích (cụ thể hay hiển nhiên) với Bên còn lại, bao gồm nhưng không giới hạn việc nhân viên, Người có liên quan của Bên mình được hưởng lợi ích từ việc có cổ phần, vốn góp hay quyền lợi khác từ việc Bên còn lại ký kết và thực hiện Hợp Đồng với Bên mình (sau đây gọi chung là "**Xung Đột Lợi Ích**"). Trong trường hợp nhân viên, Người có liên quan có các lợi ích cá nhân/kinh doanh hoặc tham gia vào hoạt động bên ngoài mà có thể tạo ra các Xung Đột Lợi Ích, Bên phát hiện có trách nhiệm thông báo ngay cho Bên còn lại về các lợi ích hoặc sự tham gia đó.

Bất kỳ sự vi phạm nào đối với cam kết được quy định tại Điều 14.4 sẽ được coi là một vi phạm nghiêm trọng đối với Hợp Đồng, mà từ đó, Một Bên sẽ được quyền chấm dứt ngay lập tức Hợp Đồng này và có quyền tạm ngưng thanh toán, phạt vi phạm, yêu cầu bồi thường bất kỳ tổn thất và/hoặc thiệt hại nào xuất phát từ sự chấm dứt đó.

ĐIỀU 15: LUẬT ĐIỀU CHỈNH VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

15.1. Hợp Đồng được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam.

15.2. Các Bên hỗ trợ nhau trong quá trình thực hiện Hợp Đồng. Nếu Bên nào gặp khó khăn, vướng mắc thì phải kịp thời thông báo sớm nhất cho cho Bên còn lại bằng văn bản nhưng chậm nhất là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày phát sinh khó khăn, vướng mắc đó để Các Bên cùng nhau bàn bạc, giải quyết.

15.3. Các tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp Đồng sẽ được Các Bên ưu tiên giải quyết trên cơ sở thỏa thuận, thương lượng, đàm phán. Trường hợp Các Bên không thể tự thỏa thuận hoặc không muốn thỏa thuận trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp, tranh chấp sẽ được giải quyết bởi Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam ("**VIAC**"); việc giải quyết tranh chấp thực hiện theo quy tắc tố tụng trọng tài của VIAC. Ngôn ngữ giải quyết tranh chấp là tiếng Việt. Địa điểm tiến hành trọng tài là Thành phố Hồ Chí Minh. Quyết định của Trọng tài là chung thẩm và có giá trị ràng buộc Các Bên thực hiện.

15.4. Trong suốt quá trình thực hiện các thủ tục pháp lý và chờ đợi quyết định cuối cùng được ban hành bởi VIAC, các quy định của Hợp Đồng này vẫn tiếp tục được thực hiện trên mọi phương diện không bị ảnh hưởng bởi các điều khoản liên quan đến vấn đề tranh cãi, tranh chấp hoặc sự bất đồng đã được gửi tới VIAC giải quyết.

15.5. Bên vi phạm Hợp Đồng theo quyết định của Trọng tài phải chịu phí trọng tài theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 16: THÔNG BÁO, THÔNG TIN TRAO ĐỔI

16.1. Tất cả văn bản, tài liệu, thông báo, chấp thuận, yêu cầu và những liên lạc khác (được gọi chung là "**Thông Báo**") được Các Bên gửi cho nhau thông qua các phương thức: giao tay, thư điện tử hoặc bưu điện theo thông tin Các Bên nêu tại phần đầu của Hợp Đồng này (trừ trường hợp có Thông Báo thay đổi nội dung thông tin Các Bên theo đúng các phương thức quy định tại Điều này).

Các Bên cam kết về sự chính xác và hợp pháp đối với nội dung trong thông tin Các Bên nêu tại phần đầu của Hợp Đồng này.

16.2. Trừ trường hợp Hợp Đồng có quy định khác, Thông Báo phải được lập thành văn bản.

16.3. Một Thông Báo sẽ được xem là đã nhận khi:

a. Trường hợp giao tay cho người nhận: tại thời điểm giao trực tiếp cho Bên nhận và nhận được biên nhận của việc giao thư tay *(để làm rõ, Thông Báo theo quy định này phải được thực hiện trong Giờ Làm Việc. Trong trường hợp thực hiện sau Giờ Làm Việc trong ngày, Thông Báo được xem là nhận vào Ngày Làm Việc kế tiếp; trường hợp thực hiện trước Giờ Làm Việc trong ngày, Thông Báo được xem là nhận tại thời điểm bắt đầu Giờ Làm Việc cùng ngày)*; hoặc

b. Trường hợp được gửi bằng thư điện tử: tại thời điểm ghi nhận gửi thành công theo hệ thống của Bên gửi; hoặc

c. Trường hợp gửi bằng bưu điện: tại thời điểm bưu điện hoàn thành việc gửi thư.

16.4. Các Bên phải thông báo cho nhau bằng văn bản về sự thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ tạm trú, địa chỉ liên lạc hoặc nơi cư trú mới so với thông tin Các Bên được nêu tại phần đầu của Hợp Đồng này sớm nhất nhưng không trễ hơn 10 (mười) ngày kể từ ngày có sự thay đổi. Để làm rõ, các thay đổi chỉ được áp dụng đối với Bên còn lại kể từ thời điểm Bên còn lại nhận được Thông Báo về việc thay đổi.

ĐIỀU 17: CAM KẾT VÀ TUYÊN BỐ

17.1. Mỗi Bên cam kết và tuyên bố:

a. Được thành lập, hoạt động hợp pháp và có đầy đủ thẩm quyền và năng lực tiến hành các công việc, hoạt động thuộc phạm vi Hợp Đồng theo quy định của Pháp luật Việt Nam; tính đến thời điểm giao kết Hợp Đồng, chưa có các sự kiện liên quan đến giải thể, phá sản xảy ra đối với mỗi Bên;

b. Đã hoàn thành việc thực hiện các thủ tục cần thiết và được phê duyệt, chấp thuận nội bộ và bởi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, đáp ứng các điều kiện theo quy định nội bộ và quy định pháp luật nhằm ký kết, tiến hành các công việc, hoạt động thuộc phạm vi Hợp Đồng; và tính đến thời điểm giao kết Hợp Đồng, các phê duyệt, chấp thuận nêu trên vẫn còn đầy đủ hiệu lực thi hành mà không có bất kỳ văn bản nào về việc sửa đổi, hủy bỏ, thay thế, thu hồi, chấm dứt hiệu lực;

c. Các Giấy phép, chấp thuận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp cho Bên đó để công nhận sự thành lập và hoạt động hợp pháp, công nhận việc đáp ứng điều kiện tiến hành công việc theo Hợp Đồng là đang còn hiệu lực; và tính đến thời điểm giao kết Hợp Đồng, Bên đó không nhận được bất cứ thông báo nào về việc hủy bỏ, thu hồi, chấm dứt hiệu lực hoặc sửa đổi các giấy chứng nhận, chấp thuận hoặc giấy phép đó dẫn đến không còn được công nhận như cam kết nêu trên;

d. Việc giao kết Hợp Đồng là hoàn toàn tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, Các Bên cùng có lợi, không bị lừa dối hoặc ép buộc;

e. Người đại diện ký kết Hợp Đồng là người đại diện hợp pháp của Bên đó;

f. Việc ký kết và thực hiện Hợp Đồng không trực tiếp/gián tiếp dẫn đến việc vi phạm bất kỳ quy định pháp luật, văn bản nội bộ hoặc cam kết, thỏa Thuận nào mà Bên đó đã ký kết;

g. Không được tự ý ngưng thực hiện Hợp Đồng vì bất kỳ lý do gì nếu không có sự đồng ý của Bên còn lại, trừ trường hợp theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và quy định tại Hợp Đồng này;

h. Cam kết thực hiện đầy đủ các cam kết, nghĩa vụ theo Hợp Đồng.

17.2. Bên A xác nhận và đồng ý rằng:

a. Bên B được miễn trừ mọi trách nhiệm trước bất kỳ Bên Thứ Ba liên quan đến việc thực hiện Hợp Đồng trong bất kỳ khoảng thời gian nào (trừ trường hợp nguyên nhân lỗi xuất phát từ Bên B). Bên A phải bồi thường, tránh cho Bên B, các Đơn vị liên kết của Bên B khỏi những mất mát, thiệt hại, nghĩa vụ nợ, trách nhiệm, kiện tụng, khiếu kiện, khiếu nại, yêu cầu, chi phí, phí (bao gồm tất cả các chi phí pháp lý, chuyên môn và các chi phí khác cũng như những khoản tiền phải trả khi giải quyết tranh chấp) mà Bên B phải gánh chịu

liên quan đến việc trên.

b. Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu không chịu trách nhiệm với Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc bất cứ Bên Thứ Ba nào trong trường hợp: Tổ Chức Phát Hành cố ý che giấu thông tin, không tuân thủ các nghĩa vụ báo cáo, cung cấp thông tin theo Hợp Đồng; hoặc các thông tin, tài liệu mà Tổ Chức Phát Hành cung cấp, công bố trong thời hạn hiệu lực của Trái Phiếu là không đầy đủ, trung thực, chính xác; và trách nhiệm thanh toán gốc, lãi và các khoản tiền khác cho Người Sở Hữu Trái Phiếu trong mọi trường hợp thuộc về Tổ Chức Phát Hành, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu không khẳng định và không đảm bảo việc Tổ Chức Phát Hành sẽ thanh toán đầy đủ, đúng hạn lãi, gốc Trái Phiếu khi đến hạn và các quyền khác cho Người Sở Hữu Trái Phiếu.

c. Chưa có bất kỳ vụ kiện tụng, thủ tục trọng tài hoặc hành chính, điều tra hoặc xét xử nào đang diễn ra, chưa được giải quyết hoặc có khả năng sẽ xảy ra (theo hiểu biết tốt nhất của Bên A) đối với Bên A tại bất kỳ tòa án, cơ quan xét xử, cơ quan giải quyết tranh chấp hoặc cơ quan có thẩm quyền nào khác mà có thể ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến hoạt động kinh doanh hoặc điều kiện tài chính của Tổ Chức Phát Hành.

ĐIỀU 18: ĐIỀU KHOẢN KHÁC

18.1. Các Bên cam kết tuân thủ nội dung của Thỏa thuận bảo mật thông tin được ký kết bởi Bên A và Bên B. Thỏa thuận bảo mật thông tin nêu trên là một bộ phận không thể tách rời của Hợp Đồng này kể cả khi Hợp Đồng này chấm dứt trước hạn hoặc thanh lý theo quy định.

18.2. Hai Bên hoàn toàn nhất trí các điều khoản đã ký ở trên và cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản đã được ký kết. Bên nào vi phạm phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Bên còn lại và trước pháp luật hiện hành.

18.3. Các điều khoản và từng phần các điều khoản của Hợp Đồng này có hiệu lực riêng và độc lập với các điều khoản khác. Nếu bất kỳ điều khoản nào của Hợp Đồng này bị xem là vô hiệu, trái pháp luật hoặc không thể thi hành, điều khoản này sẽ bị loại khỏi Hợp Đồng này, những điều khoản còn lại cũng như việc thực hiện những điều khoản đó sẽ không bị ảnh hưởng và tiếp tục có đầy đủ hiệu lực thi hành. Không mâu thuẫn với quy định nêu trên, khi phát sinh trường hợp này, Các Bên sẽ cùng nhau thống nhất điều chỉnh nội dung bị vô hiệu/trái pháp luật/không thể thi hành để đảm bảo tính thực thi đầy đủ của Hợp Đồng.

18.4. Việc không thực hiện hoặc chậm thực hiện quyền của một Bên theo Hợp Đồng này hoặc văn bản, thỏa thuận khác liên quan đến Hợp Đồng này không có nghĩa là từ bỏ quyền và Bên có liên quan có thể thực hiện quyền đó trong tương lai.

18.5. Trừ khi có quy định khác trong Hợp Đồng này hoặc văn bản, thỏa thuận liên quan đến Hợp Đồng này, không Bên nào được tự ý chuyển giao bất kỳ quyền và nghĩa vụ nào theo Hợp Đồng này hoặc văn bản, thỏa thuận liên quan đến Hợp Đồng này cho Bên Thứ Ba nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên còn lại, Bên còn lại có toàn quyền quyết định việc đồng ý hoặc từ chối.

18.6. Một trong Các Bên không có quyền tự ý thay đổi nội dung của Hợp Đồng này hoặc văn bản, thỏa thuận liên quan đến Hợp Đồng này. Mọi sửa đổi, bổ sung đều phải được sự đồng ý của Các Bên phải lập thành văn bản và được coi là một phần không thể tách rời của Hợp

Đồng này.

18.7. Mỗi Bên phải chịu phí và chi phí mà Mỗi Bên chi trả trong quá trình đàm phán, chuẩn bị và ký kết Hợp Đồng này, trừ khi có quy định khác trong Hợp Đồng này hoặc văn bản, thỏa thuận liên quan đến Hợp Đồng này.

18.8. Tiếng Việt là ngôn ngữ chính thức, cơ sở để xác định nội dung của Hợp Đồng này và văn bản, thỏa thuận liên quan đến Hợp Đồng này.

18.9. Hợp Đồng được lập thành 05 (năm) bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 03 (ba) bản, Bên B giữ 02 (hai) bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A **TỔNG GIÁM ĐỐC**	**ĐẠI DIỆN BÊN B** **GIÁM ĐỐC DỊCH VỤ TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP**
S.G.P: 06 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN ACB - P. XUÂN HÒA - T.P HỒ CHÍ MINH	S.G.P: 64 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KAFI - P. SÀI GÒN - T.P HỒ CHÍ MINH
NGUYỄN ĐỨC HOÀN	**HOÀNG HẢI YẾN**

Chứng thực bản sao đúng với bản chính.
Số chứng thực 011782 Quyển 06 SCT/BS

Ngày 16 -06- 2026

Công chứng viên

S.Đ.K.H.Đ:792012020024-C.T.H.D - VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG QUẬN 10 - P.VƯỜN LÀI - T.P HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Lê Nghĩa

PHỤ LỤC - CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TRÁI PHIẾU

(đính kèm theo Hợp đồng số 01/2026/ĐDNSHTP ngày 10../.03/2026)

I. Các điều khoản và điều kiện của trái phiếu

1. **Tên trái phiếu:** Trái phiếu ACBS phát hành ra công chúng lần 1 năm 2026.

   Tên trái phiếu cụ thể của từng đợt tương ứng là: Trái phiếu ACBS phát hành ra công chúng lần 1 năm 2026 ([Đợt x])

   Trong đó: *x là số thứ tự các đợt phát hành tương ứng.*

2. **Loại trái phiếu:** Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có đảm bảo.

3. **Mệnh giá trái phiếu: 100.000** (một trăm nghìn) đồng/trái phiếu.

4. **Tổng số lượng trái phiếu phát hành, tổng giá trị trái phiếu phát hành, kỳ hạn và số đợt phát hành dự kiến**

   Tổng trị trái phiếu phát hành: **3.000** tỷ đồng, được chia thành 3 đợt.

   Số lượng trái phiếu dự kiến phát hành của từng đợt bao gồm 3 nhóm trái phiếu, với 3 nhóm kỳ hạn được viết tắt tương ứng là: **ACBS-1.x, ACBS-2.x** và **ACBS-3.x** (trong đó, [x] là số thứ tự các đợt phát hành tương ứng), cụ thể như sau:

Nhóm trái phiếu	Đợt phát hành			Số lượng từng đợt (trái phiếu)	Tổng cộng	Kỳ hạn (năm)
	Đợt 1 Từ Quý 2/2026	Đợt 2 Từ Quý 3/2026	Đợt 3 Từ Quý 4/2026			
Nhóm 1 năm	ACBS-1.1	ACBS-1.2	ACBS-1.3	3.000.000	9.000.000	1
Nhóm 2 năm	ACBS-2.1	ACBS-2.2	ACBS-2.3	3.000.000	9.000.000	2
Nhóm 3 năm	ACBS-3.1	ACBS-3.2	ACBS-3.3	4.000.000	12.000.000	3
Tổng cộng				**10.000.000**	**30.000.000**	

   Trường hợp trái phiếu chưa phát hành hết trong mỗi đợt, số lượng Trái phiếu còn lại chưa bán hết sẽ được hủy.

   Thời gian chào bán của từng đợt phát hành không được kéo dài quá 90 ngày và khoảng cách giữa đợt phát hành sau với đợt phát hành trước không quá 12 tháng.

5. **Ngày phát hành:** là ngày kết thúc việc nhận tiền mua trái phiếu theo từng đợt phát hành.

6. **Lãi suất trái phiếu**

- **Phương thức lãi suất áp dụng**: Lãi suất cố định.
- **Nguyên tắc để xác định mức lãi suất cố định:** được căn cứ theo Lãi suất tham chiếu, biên độ lãi suất và được tính theo công thức:

Mức Lãi suất = *Lãi Suất Tham Chiếu + Biên độ lãi suất.*

Trong đó, biên độ lãi suất trái phiếu áp dụng đối với 3 nhóm trái phiếu (dự kiến) như sau:

Nhóm trái phiếu	Đợt phát hành			Biên độ lãi suất (%)
	Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3	
Nhóm 1 năm	ACBS-1.1	ACBS-1.2	ACBS-1.3	2,3
Nhóm 2 năm	ACBS-2.1	ACBS-2.2	ACBS-2.3	2,5
Nhóm 3 năm	ACBS-3.1	ACBS-3.2	ACBS-3.3	2,7

Chú thích:

- ✓ *Lãi Suất Tham Chiếu: là trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân thông thường, kỳ hạn 12 tháng (hoặc tương đương), trả lãi cuối kỳ được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức (website) của bốn (04) ngân hàng thương mại Việt Nam tại Ngày xác định lãi suất, tương ứng theo các tên viết tắt như sau: Ngân hàng Vietcombank, Vietinbank, BIDV và Agribank (mỗi ngân hàng này được gọi là "Ngân hàng Tham Chiếu").*
- ✓ *Biên độ lãi suất: là tỷ lệ phần trăm trên một năm, được cộng thêm cùng với Lãi Suất Tham Chiếu.*
- ✓ *Ngày Xác Định Lãi Suất: được thông báo chính thức khi thực hiện công bố thông tin trước mỗi đợt phát hành (là ngày bắt đầu nhận đơn đăng ký mua Trái Phiếu).*
- ✓ *Mức lãi suất cụ thể: Tổng Giám đốc công bố mức lãi suất cụ thể theo Ngày Xác Định Lãi Suất (là ngày bắt đầu nhận đơn đăng ký mua Trái Phiếu).*

7. **Mua lại trái phiếu trước hạn (Quyền mua lại trước hạn của ACBS):** ACBS không thực hiện quyền mua lại trái phiếu trước hạn.

8. **Phương thức thanh toán gốc, lãi Trái Phiếu**

Việc thanh toán tiền gốc và lãi đối với Trái Phiếu sẽ được thực hiện theo quy định về thực hiện quyền tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC).

- **Thanh toán lãi**: trả sau, định kỳ 12 (mười hai) tháng một lần.
- **Thanh toán gốc**: thanh toán một lần vào ngày đáo hạn.

Tiền gốc Trái Phiếu được thanh toán một lần vào ngày đáo hạn hoặc ngày mua lại Trái Phiếu trước hạn (nếu có) hoặc ngày đến hạn khác (nếu có), tùy trường hợp áp dụng.

II. Trình tự và thủ tục tổ chức hội nghị và lấy ý kiến người sở hữu trái phiếu

1. Triệu Tập Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu

1.1. Hội Nghị sẽ do Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu triệu tập theo yêu cầu của người có thẩm quyền yêu cầu triệu tập Hội Nghị (Người có thẩm quyền yêu cầu triệu tập là Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc nhóm những Người Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu ít nhất 10% (mười phần trăm) tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành).

1.2. Khi có nhu cầu triệu tập Hội Nghị, người có thẩm quyền yêu cầu triệu tập Hội Nghị phải gửi cho Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu và Tổ Chức Phát Hành yêu cầu bằng văn bản về việc triệu tập Hội Nghị ("Yêu Cầu Triệu Tập"). Yêu Cầu Triệu Tập phải (i) được người đưa ra yêu cầu ký và đóng dấu (nếu có) hợp lệ, (ii) có thông tin về người yêu cầu triệu tập, và (iii) đính kèm dự thảo nội dung và chương trình họp dự kiến của Hội Nghị và các tài liệu có liên quan làm cơ sở thông qua quyết định.

1.3. Trong vòng 3 (ba) Ngày Làm Việc sau ngày nhận được Yêu Cầu Triệu Tập hợp lệ, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu phải (i) xác định hoặc phối hợp với Tổ Chức Phát Hành để xác định Ngày Chốt Danh Sách Người Sở Hữu Trái Phiếu để chốt danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu cho mục đích tổ chức Hội Nghị, (ii) gửi thông báo về Yêu Cầu Triệu Tập và Ngày Chốt Danh Sách Người Sở Hữu Trái Phiếu đó hoặc thông báo trên website Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu và/hoặc yêu cầu Tổ Chức Phát Hành thông báo, công bố thông tin về Yêu Cầu Triệu Tập và Ngày Chốt Danh Sánh Người Sở Hữu Trái Phiếu, và (iii) chỉ trong trường hợp một hoặc một số Người Sở Hữu Trái Phiếu yêu cầu triệu tập Hội Nghị, phối hợp với Tổ Chức Phát hành để xác nhận thẩm quyền yêu cầu triệu tập Hội Nghị của (các) Người Sở Hữu Trái Phiếu đó phù hợp với quy định của Các Điều Kiện Trái Phiếu.

Để tránh nhầm lẫn, Ngày Chốt Danh Sách Người Sở Hữu Trái Phiếu theo xác định của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu trong mọi trường hợp sẽ không muộn hơn 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc sau ngày Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu nhận được Yêu Cầu Triệu Tập có liên quan.

1.4. Trong vòng 3 (ba) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được Yêu Cầu Triệu Tập hợp lệ, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu phải làm việc với người yêu cầu triệu tập Hội Nghị và Tổ Chức Phát Hành để xác định địa điểm, phương thức tổ chức Hội Nghị và thống nhất nội dung và chương trình họp dự kiến của Hội Nghị, các tài liệu có liên quan làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nội dung quyết định/nghị quyết của các Người Sở Hữu Trái Phiếu đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Nếu các bên không thống nhất được các vấn đề nêu trên thì sẽ thực hiện theo quyết định (tài liệu) của người yêu cầu triệu tập.

1.5. Sau khi đã có bảo đảm của người yêu cầu triệu tập Hội Nghị về việc chi trả chi phí tổ chức Hội Nghị (đảm bảo đó phải đáp ứng được yêu cầu của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu), trong vòng 2 (hai) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ xác định ngày, giờ dự kiến khai mạc Hội Nghị (với điều kiện là ngày dự kiến khai mạc Hội Nghị trong mọi trường hợp sẽ không muộn hơn 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc sau Ngày Chốt Danh Sách Người Sở Hữu Trái Phiếu có liên quan) và gửi thông báo mời tham dự Hội Nghị ("Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị") cho tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu. Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị phải có đầy đủ thông tin về địa điểm, ngày, giờ dự kiến khai mạc Hội Nghị và tóm lược nội dung và chương trình họp của Hội Nghị. Kèm theo Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị phải có mẫu văn bản chỉ định đại diện hợp pháp dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, các tài liệu có liên quan làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nội dung quyết định đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

2. Chương Trình Và Nội Dung

2.1. Người yêu cầu triệu tập Hội Nghị phải chuẩn bị dự thảo nội dung và chương trình họp dự kiến của Hội Nghị và gửi cho Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu.

2.2. Nếu không phải là người yêu cầu triệu tập, Tổ Chức Phát Hành hoặc Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc nhóm các Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền dự họp theo quy định sở hữu ít nhất 10% (mười phần trăm) tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành có quyền gửi văn bản kiến nghị bổ sung một hoặc một số vấn đề để đưa vào chương trình họp của Hội Nghị. Văn bản kiến nghị đó phải được gửi đến Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu chậm nhất 3 (ba) Ngày Làm Việc trước ngày khai mạc Hội Nghị.

2.3. Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu phải đưa kiến nghị bổ sung vào chương trình họp của Hội Nghị, trừ trường hợp kiến nghị được gửi đến không đúng quy định hoặc kiến nghị không phải là vấn đề cần các Người Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận theo Các Điều Kiện Trái Phiếu. Kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình họp của Hội Nghị nếu được chấp thuận bởi một hoặc một số Người Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu ít nhất trên 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số của các Trái Phiếu của các Người Sở Hữu Trái Phiếu tham dự Hội Nghị.

3. Quyền Tham Dự Hội Nghị

3.1. Bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào có tên trong Sổ Đăng Ký tại Ngày Chốt Danh Sách Người Sở Hữu Trái Phiếu tương ứng sẽ có quyền tham dự Hội Nghị được triệu tập theo Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị.

3.2. Chỉ có các Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền dự họp theo quy định và đại diện hợp pháp của các Người Sở Hữu Trái Phiếu đó, Tổ Chức Phát Hành, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu (gọi chung là "Đại Biểu") được tham dự và phát biểu tại Hội Nghị. Tuy nhiên, chỉ có Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc người đại diện hợp pháp của Người Sở Hữu Trái Phiếu được biểu quyết tại Hội Nghị.

4. Thể Thức Tiến Hành Hội Nghị

4.1. Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể tự mình hoặc thông qua người đại diện được ủy quyền hợp pháp của mình tham dự Hội Nghị, với điều kiện là nếu Người Sở Hữu Trái Phiếu là cá nhân tham dự thông qua người đại diện, Người Sở Hữu Trái Phiếu phải gửi văn bản ủy quyền được công chứng/chứng thực đến Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu ít nhất 3 (ba) Ngày Làm Việc trước ngày tiến hành Hội Nghị.

4.2. Trước thời điểm dự kiến khai mạc Hội Nghị, Đại Biểu phải đăng ký tham dự Hội Nghị bằng cách (i) xuất trình Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị, văn bản chỉ định đại diện dự họp đã được ký và đóng dấu (nếu có) hợp lệ và giấy tờ hợp pháp thể hiện thông tin nhận diện cá nhân của Đại Biểu để Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu đối chiếu, và (ii) ký vào danh sách đại biểu tham dự Hội Nghị tương ứng với tên của Đại Biểu đó (nếu Đại Biểu đó chính là Người Sở Hữu Trái Phiếu cá nhân), tên của cá nhân mà Đại Biểu đó đại diện (trong trường hợp Đại Biểu đó là đại diện được ủy quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu cá nhân), hoặc tên của tổ chức mà Đại Biểu đó đại diện (trong trường hợp Đại Biểu đó là đại diện được ủy quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu là tổ chức).

4.3. Thời điểm xác định số Đại Biểu tham dự cần thiết để tiến hành Hội Nghị là lúc kết thúc khoảng thời gian 45 (bốn mươi lăm) phút sau giờ dự kiến khai mạc Hội Nghị được quy định trong Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị.

4.4. Hội Nghị được tiến hành khi có Người Sở Hữu Trái Phiếu tham dự đại diện sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành.

Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành thì Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ thông báo mời họp lần thứ hai trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp lần thứ hai này được tiến hành không phụ thuộc vào tỷ lệ sở hữu so với tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành.

4.5. Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ chỉ định chủ tọa Hội Nghị và một hoặc một số người làm thư ký Hội Nghị khi bắt đầu Hội Nghị.

4.6. Hội Nghị sẽ bầu ban kiểm phiếu không quá 3 (ba) người trong số các Đại Biểu tham dự Hội Nghị. Chủ tọa và thư ký không được tham gia ban kiểm phiếu.

4.7. Nội dung và chương trình họp của Hội Nghị phải được Hội Nghị thông qua trước khi Hội Nghị bắt đầu thảo luận. Hội Nghị thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung và chương trình họp. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu phiếu biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu phiếu biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu sẽ được chủ toạ công bố ngay trước khi bế mạc Hội Nghị. Với mỗi Trái Phiếu sở hữu, Người Sở Hữu Trái Phiếu có một phiếu biểu quyết.

Các quyết định được thông qua tại Hội Nghị khi có đại diện sở hữu từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng mệnh giá Trái Phiếu của tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu tham dự cuộc họp biểu quyết tán thành.

4.8. Bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc bất kỳ đại diện hợp pháp dự họp của Người Sở Hữu Trái Phiếu nào đến sau khi Hội Nghị đã khai mạc sẽ phải đăng ký dự họp theo quy định và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký đó. Chủ toạ không được dừng cuộc họp để những người nêu trên đăng ký dự họp; và trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.

4.9. Cho dù có các quy định trong Các Điều Kiện Trái Phiếu, khi Hội Nghị quyết định bất kỳ vấn đề nào thuần túy liên quan đến thể thức, thủ tục hay chương trình họp của Hội Nghị mà không phải là vấn đề cần được biểu quyết được đề cập trong dự thảo nghị quyết hay được đề cập trong văn bản kiến nghị bổ sung theo quy định (kể cả việc bầu ban kiểm phiếu và ấn định nội dung và chương trình họp của Hội Nghị), vấn đề đó sẽ được xem là được thông qua hợp lệ tại Hội Nghị nếu được chấp thuận bởi một hoặc một số Người Sở Hữu Trái Phiếu nắm giữ ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số của các Trái Phiếu của các Người Sở Hữu Trái Phiếu tham dự Hội Nghị.

5. Biên Bản Hội Nghị

5.1. Diễn biến và nội dung Hội Nghị phải được ghi vào biên bản, lập bằng tiếng Việt, có thể cả bằng tiếng nước ngoài và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Thông tin về Tổ Chức Phát Hành (tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh);
- Thông tin về Trái Phiếu;
- Thời gian và địa điểm tổ chức Hội Nghị;
- Chương trình và nội dung Hội Nghị;
- Chủ toạ và thư ký;
- Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Hội Nghị về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- Số Người Sở Hữu Trái Phiếu và tổng số phiếu biểu quyết của các Người Sở Hữu Trái Phiếu tham dự Hội Nghị, danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu tham dự Hội Nghị với số Trái Phiếu và số phiếu biểu quyết tương ứng;
- Tổng số phiếu biểu quyết và tỷ lệ tương ứng đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến.

5.2. Biên bản Hội Nghị phải được lập và thông qua trước khi bế mạc Hội Nghị và phải được ký bởi chủ toạ và thư ký hoặc nhân danh tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu tham dự Hội Nghị (áp dụng trong trường hợp chủ toạ và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản Hội Nghị). Trong trường hợp biên bản đã có đủ các nội dung mà chủ toạ và/hoặc thư ký từ chối ký biên bản và/hoặc bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào hoặc đại diện của bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào từ chối ký biên bản thì chữ ký của Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc đại diện của Người Sở Hữu Trái Phiếu đó để xác nhận việc tham dự Hội Nghị sẽ được xem là chữ ký của họ trong biên bản. Biên bản Hội Nghị được lập theo quy trình nêu trên kèm theo các biên bản kiểm phiếu (nếu có) sẽ là bằng chứng chính thức về các nội dung và quyết định của các Người Sở Hữu Trái Phiếu tại Hội Nghị có liên quan. Để tránh nhầm lẫn, quyết định về mỗi vấn đề được thông qua hợp lệ tại Hội Nghị (với tỷ lệ biểu quyết cần thiết được quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu) và sẽ có hiệu lực ngay tại thời điểm được thông qua, trừ khi quyết định đó quy định một thời điểm có hiệu lực khác.

5.3. Trên cơ sở biên bản Hội Nghị, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ lập văn bản tổng hợp các quyết định đã được thông qua tại Hội Nghị và công bố tại Hội Nghị. Văn bản tổng hợp này được xem là nghị quyết của các Người Sở Hữu Trái Phiếu tại Hội Nghị và được ký và đóng dấu hợp lệ bởi Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu.

6. Triệu Tập Hội Nghị Và Lấy Ý Kiến Bằng Văn Bản

6.1. Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu có trách nhiệm tổ chức Hội Nghị hoặc tổ chức Lấy Ý Kiến Người Sở Hữu Trái Phiếu của các Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan, các quy chế của VSDC và Sở Giao Dịch Chứng Khoán có liên quan (nếu áp dụng), và các quy định có liên quan của Các Điều Kiện Trái Phiếu và Phụ Lục này (trong phạm vi các quy định đó không trái với quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan, các quy chế của VSDC và Sở Giao Dịch Chứng Khoán có liên quan (nếu áp dụng)).

6.2. Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu có trách nhiệm chủ động làm việc với VSDC để nhận danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu được chốt tại Ngày Chốt Danh Sách Người Sở Hữu Trái Phiếu tương ứng cho mục đích tổ chức Hội Nghị hoặc Lấy Ý Kiến Người Sở Hữu Trái Phiếu (tùy trường hợp áp dụng).

6.3. Các quyết định được thông qua theo hình thức Lấy Ý Kiến Bằng Văn Bản khi có số Người Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu từ 50% (năm mươi phần trăm) tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành biểu quyết tán thành.

7. Các Quy Định Chung

7.1. Thời điểm xác định số đại biểu tham dự cần thiết để tiến hành Hội Nghị là lúc kết thúc 45 (bốn mươi lăm) phút tính từ thời điểm ấn định khai mạc Hội Nghị.

7.2. Khi Hội Nghị quyết định bất kỳ vấn đề nào thuần túy liên quan đến thể thức, thủ tục hay chương trình tổ chức Hội Nghị mà không phải là vấn đề cần được biểu quyết được đề cập trong dự thảo nghị quyết (hay trong kiến nghị bổ sung chương trình) (kể cả bầu ban kiểm phiếu và ấn định chương trình và nội dung Hội Nghị), vấn đề đó được xem là được quyết định hoặc chấp thuận bởi Hội Nghị nếu được tán thành bởi một hoặc một số Người Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu số Trái Phiếu chiếm ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số Trái Phiếu đang lưu hành của những Người Sở Hữu Trái Phiếu tham dự Hội Nghị.

7.3. Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ gửi bản sao của biên bản Hội Nghị hoặc biên bản kiểm phiếu (tùy từng trường hợp áp dụng) và văn bản tổng hợp các quyết định của các Người Sở Hữu Trái Phiếu (đã được Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu ký và đóng dấu hợp lệ) cho tất cả các Người Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành, trong thời hạn 5 (năm) Ngày Làm Việc kể từ ngày kết thúc Hội Nghị hoặc kết thúc thời hạn nhận ý kiến bằng văn bản (tùy từng trường hợp áp dụng). Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ (i) lưu giữ tại địa chỉ đăng ký của mình bản gốc mọi biên bản Hội Nghị, biên bản kiểm phiếu và văn bản tổng hợp các quyết định của các Người Sở Hữu Trái Phiếu cùng các tài liệu liên quan đến việc tổ chức Hội Nghị và Lấy Ý Kiến Người Sở Hữu Trái Phiếu và (ii) cung cấp bản sao của các tài liệu nêu trên theo yêu cầu của các Người Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành trên cơ sở có thu phí.

7.4. Mọi chi phí, phí tổn thực tế (nếu người yêu cầu tổ chức Hội Nghị hay Lấy Ý Kiến Người Sở Hữu Trái Phiếu là Tổ Chức Phát Hành) hoặc mọi chi phí, phí tổn hợp lý (nếu người yêu cầu tổ chức Hội Nghị hay Lấy Ý Kiến Người Sở Hữu Trái Phiếu không phải là Tổ Chức Phát Hành) liên quan đến việc triệu tập và tổ chức Hội Nghị hay Lấy Ý Kiến Người Sở Hữu Trái Phiếu được Tổ Chức Phát Hành chấp thuận sẽ do Tổ Chức Phát Hành chi trả.

BẢN SAO

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG ĐẠI DIỆN NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU
(Số 01/2026/PLHĐ-ĐDNSHTP)

Hôm nay, ngày 27 tháng 03 năm 2026, tại Trụ sở Công ty Cổ phần Chứng khoán KAFI, chúng tôi gồm có:

BÊN A: CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

(sau đây gọi là "**Tổ Chức Phát Hành**" hoặc "**Bên A**")

GCNĐKDN/GP hoạt động số:	06/GPHĐKD được cấp bởi UBCKNN ngày 29/6/2000 và các lần sửa đổi, bổ sung
Địa chỉ:	Tầng 3, Tòa nhà Léman Luxury, 117 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại:	(028) 7300 7000
Fax:	(028) 7300 3751
Đại diện:	**Ông NGUYỄN ĐỨC HOÀN** *(Theo giấy ủy quyền số 02/GUQ-ACBS.26 ngày 12/02/2026 của Chủ tịch Hội đồng thành viên)*
Chức vụ:	**Tổng Giám đốc**

Và

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KAFI

(sau đây gọi là "**Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu**" hoặc "**Bên B**")

GCNĐKDN/GP hoạt động số:	51/UBCK-GPHĐKD được cấp bởi UBCKNN ngày 29/12/2006 và các lần sửa đổi, bổ sung
Địa chỉ:	Phòng 1403, Lầu 14, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại:	(028) 7102 9898
Tài khoản số:	679679679 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Tế Việt Nam - TTKD HO
Đại diện:	**Ông TRỊNH THANH CẦN** *(Người đại diện pháp luật)*
Chức vụ:	**Tổng Giám đốc**

Bên A và Bên B được gọi riêng là "**Bên**" và được gọi chung là "**Các Bên**" hoặc "**Hai Bên**".

Các Bên cùng nhau ký kết Phụ lục Hợp đồng đại diện người sở hữu trái phiếu nhằm mục đích sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Hợp đồng số 01/2026/ĐDNSHTP và Phụ lục đính kèm ngày 10/03/2026 để phù hợp với các quy định hiện hành như sau:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2.3 Điều 2 Hợp đồng số 01/2026/ĐDNSHTP như sau:

"b. Từ nhiệm tư cách Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu

- Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể từ nhiệm và ngừng thực hiện toàn bộ trách nhiệm và nghĩa vụ của mình với tư cách là Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu sau khi thông báo

bằng văn bản trước ngày dự kiến từ nhiệm ít nhất 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc cho Tổ Chức Phát Hành và những Người Sở Hữu Trái Phiếu;

- Trong vòng 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc từ ngày nhận được thông báo từ nhiệm của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành sẽ lựa chọn một tổ chức đáp ứng điều kiện quy định của Hợp đồng này làm Đại Diện Thay Thế và phải được sự chấp thuận của những Người Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết (tổng số Trái Phiếu Có Quyền Biểu Quyết) trở lên của tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu nắm giữ Trái Phiếu Có Quyền Biểu Quyết tại thời điểm đó về việc lựa chọn. Tổ Chức Phát Hành gửi thông báo cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu (thông qua VSDC) về việc chỉ định trong vòng 05 (năm) Ngày Làm Việc kể từ ngày việc chỉ định có hiệu lực.

- Trường hợp không lựa chọn được Đại Diện Thay Thế hoặc tổ chức được lựa chọn không đạt được tỷ lệ biểu quyết được chấp thuận của tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu nêu trên trong thời hạn quy định, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu đương nhiệm vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Hợp đồng này."

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của mục II Phụ lục – Các điều khoản và điều kiện của Trái phiếu đính kèm Hợp đồng số 01/2026/ĐDNSHTP như sau:

1. Sửa đổi nội dung "tổng số của các Trái phiếu của các Người Sở Hữu Trái Phiếu tham dự hội nghị" tại các điểm 2.3 khoản 2, điểm 4.9 khoản 4; sửa đổi nội dung "tổng mệnh giá Trái phiếu của tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu tham dự cuộc họp biểu quyết tán thành" tại điểm 4.7 khoản 4; sửa đổi nội dung "tổng số Trái Phiếu đang lưu hành của những Người Sở Hữu Trái Phiếu tham dự Hội Nghị" tại điểm 7.2 khoản 7 thành "tổng số Trái Phiếu cùng loại đang lưu hành Có Quyền Biểu Quyết tán thành";
2. Sửa đổi nội dung "trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành" tại điểm 4.4 khoản 4 mục II thành "trên 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số Trái Phiếu cùng loại đang lưu hành."
3. Sửa đổi điểm 6.3 khoản 6 mục II của Phụ lục Hợp đồng như sau:

"6.3. Các quyết định được thông qua theo hình thức Lấy Ý Kiến Bằng Văn Bản khi có số Người Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số Trái Phiếu cùng loại đang lưu hành Có Quyền Biểu Quyết tán thành."

Phụ lục này được lập thành 05 (năm) bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 03 (ba) bản, Bên B giữ 02 (hai) bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A TỔNG GIÁM ĐỐC	ĐẠI DIỆN BÊN B TỔNG GIÁM ĐỐC
NGUYỄN ĐỨC HOÀN	TRỊNH THANH CẦN

Chứng thực bản sao đúng với bản chính
Số chứng thực: 012586 Quyển số: 06 SCTBS
Ngày 26-06-2026
Công chứng viên

Công ty Cổ phần Chứng khoán KAFI | Số: 1041.26

Sailing Tower, phường Sài Gòn, Tp. HCM | Ngày: 13/01/2026

BẢN SAO
Công ty đang lưu giữ bản chính
Ngày 26 tháng 06 năm 2026.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KAFI

Nguyễn Anh Vũ
GIÁM ĐỐC PHÁP CHẾ VÀ TUÂN THỦ

GIẤY ỦY QUYỀN

Tôi là Trịnh Thanh Cần, Tổng giám đốc kiêm người đại diện theo pháp luật Công ty Cổ phần Chứng khoán KAFI ("Công ty"), CCCD số: 079078012748 cấp ngày 12/08/2022 tại Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội; ủy quyền cho bà Hoàng Hải Yến, Giám đốc Dịch vụ Tài chính doanh nghiệp, CCCD số 079182030058 cấp ngày 03/01/2022 tại Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội với nội dung như sau:

1. Bà Hoàng Hải Yến được đại diện cho Công ty phê duyệt, ký kết và thực hiện các công việc như sau:

1.1 Phê duyệt, ký kết và thực hiện hoạt động cung cấp các hoạt động liên quan đến các dịch vụ:

- Bảo lãnh/thu xếp bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Tư vấn hồ sơ chào bán và các thủ tục trước khi phát hành, bao gồm nhưng không giới hạn: Tư vấn thoái vốn/chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính tại doanh nghiệp; Tư vấn phát hành cổ phiếu/ trái phiếu; Đại lý phát hành/phân phối Trái Phiếu; Đại diện người sở hữu trái phiếu; Đại lý quản lý tài sản bảo đảm;
- Tư vấn tái cơ cấu, hợp nhất, sáp nhập, mua bán doanh nghiệp; Tư vấn quản trị và chiến lược doanh nghiệp; Tư vấn chào bán, niêm yết, đăng ký giao dịch cổ phiếu; Tư vấn cổ phần hóa doanh nghiệp; Tư vấn đăng ký công ty đại chúng, đăng ký chứng khoán; Tư vấn hoạt động quan hệ nhà đầu tư; Tư vấn chào mua công khai cổ phiếu của công ty đại chúng; Tư vấn mua/bán cổ phiếu quỹ của doanh nghiệp và các dịch vụ tài chính doanh nghiệp khác;
- Các hồ sơ, tài liệu có liên quan tới quá trình cung cấp các dịch vụ nêu trên, thuộc hoạt động của khối Dịch vụ Tài chính Doanh nghiệp, bao gồm nhưng không giới hạn:
  (i) Bản thỏa thuận bảo mật thông tin (NDA);
  (ii) Thư chào dịch vụ;
  (iii) Hồ sơ chào thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, đại lý phát hành, bảo lãnh phát hành, đại diện người sở hữu trái phiếu;
  (iv) Hợp đồng tư vấn;
  (v) Thư tư vấn/Công văn tư vấn các nội dung liên quan đến hợp đồng tư vấn (Consulting Letter/Consulting Official Dispatch;

(vi) Các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan.

Giá trị tối đa của mỗi giao dịch nêu trên không vượt quá 5.000.000.000 đồng (bằng chữ: năm tỷ đồng).

1.2 Phê duyệt, ký kết các văn bản (gồm hồ sơ, tài liệu, báo cáo) để nộp/gửi Cơ quan quản lý Nhà nước hoặc Cơ quan có thẩm quyền khác (bao gồm nhưng không giới hạn ở Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, các Sở Giao dịch Chứng khoán, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và các công ty con) liên quan đến hoạt động dịch vụ, nghiệp vụ được nêu tại văn bản ủy quyền này để thực hiện các công việc/thủ tục theo các hợp đồng ký kết với các đối tác, khách hàng.

1.3 Ký giấy giới thiệu cho nhân viên thuộc Block Dịch vụ Tài chính doanh nghiệp.

2. Bà Hoàng Hải Yến được sử dụng con dấu của Công ty để đóng vào toàn bộ các văn bản, hợp đồng được nêu tại Điều 1 Giấy ủy quyền này theo quy định của pháp luật và quy định của Công ty.

3. Bà Hoàng Hải Yến có trách nhiệm thực hiện công việc được ủy quyền theo đúng quy định hiện hành của pháp luật và của Công ty. Bà Hoàng Hải Yến không được phép ủy quyền lại cho người thứ ba thực hiện một phần hoặc toàn bộ các công việc nêu tại Điều 1 Giấy ủy quyền này. Bà Hoàng Hải Yến chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước người ủy quyền về các công việc do mình thực hiện theo phạm vi, nội dung ủy quyền.

4. Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày 13/01/2026 đến ngày 30/06/2026 hoặc đến khi có văn bản khác thay thế, hủy bỏ (tùy theo thời điểm nào đến trước).

5. Giấy ủy quyền này được lập thành ba (03) bản, có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ một (01) bản, người được ủy quyền giữ một (01) bản và Hành chính lưu một (01) bản.

Người ủy quyền	Người được ủy quyền
S.G.P: 64 - C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KAFI P. SÀI GÒN - T.P HỒ CHÍ MINH	
Trịnh Thanh Cần	Hoàng Hải Yến